

CÔNG TÁC DỰ BÁO DÒNG TIỀN TRONG CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Hữu Ánh*, Nguyễn Thanh Hiếu**

Ngày nhận: 21/6/2014

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2014

Ngày duyệt đăng: 25/7/2014

Tóm tắt

Công tác dự báo dòng tiền đã và đang đóng vai trò quan trọng bởi dự báo dòng tiền giúp những người sử dụng thông tin kế toán như các chủ sở hữu, nhà cung cấp tín dụng, nhà đầu tư, ... có các quyết định hợp lý. Do vậy, bài viết đã phân tích đầy đủ thực trạng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam và trên cơ sở đó đưa ra năm giải pháp khả thi nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo dòng tiền và từ đó kết quả dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam sẽ tốt hơn. Các giải pháp đề xuất gồm: (1) hoàn thiện mô hình phân tích các yếu tố tác động đến công tác dự báo dòng tiền; (2) hoàn thiện phương pháp lập dự toán dòng tiền; (3) xây dựng mô hình dự báo dòng tiền bằng định lượng; (4) nâng cao chất lượng thông tin kế toán trong các báo cáo tài chính; (5) nâng cao nhận thức cho nhà quản trị cũng như chuyên môn cho người phụ trách dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp.

Từ khóa: dự báo, dòng tiền, công tác dự báo dòng tiền

1. Giới thiệu

Thông tin về dòng tiền của công ty rất hữu ích trong việc xác định giá trị công ty (Ali, 1994; Rayburn, 1986; Wilson, 1986; Block, 1999). Pae và Yoon, S.S. (2012) đã công bố kết quả của cuộc thăm dò được thực hiện bởi các chuyên gia cho rằng dự báo dòng tiền rất quan trọng khi định giá doanh nghiệp. Khi đánh giá hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp, việc sử dụng dữ liệu về dòng tiền ít bị sai lệch hơn số liệu về lợi nhuận thuần (Bernstein, 1993) bởi khi tính toán dòng tiền, một số yếu tố gây ra sai lệch đã bị loại bỏ như khấu hao của tài sản cố định hữu hình hay vô hình và thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Giacomino và Mielke, 1987). Trong khi đó, việc tính toán lợi nhuận thuần trên cơ sở kế toán dồn tích đòi hỏi phải sử dụng các tính toán gần đúng, các phương pháp phân bổ nguồn lực và các định giá có tính tương đối và quá trình tính toán này

có thể cho phép nhà quản lý của công ty thay đổi chỉ tiêu lợi nhuận theo ý mình bởi họ có quyền lựa chọn một phương pháp kế toán cụ thể từ nhiều phương pháp khác nhau để tính chi phí khấu hao và định giá hàng tồn kho.

Trong quyết định cho vay, dự báo trước được dòng tiền cho việc chi trả nợ hoặc dự báo nguy cơ phá sản của bên đi vay có thể giúp người cho vay hạn chế thiệt hại và hạn chế rủi ro từ những khoản nợ xấu; có rất nhiều dấu hiệu có thể báo trước rằng một doanh nghiệp đang gặp khó khăn về tài chính và trong đó dòng tiền là một yếu tố quan trọng (Zwaig và Pickett, 2001); sự giảm sút trong giá trị dòng tiền có thể coi như một dấu hiệu cảnh báo phá sản rõ rệt (Epstein và Pava, 1992; Zwaig và Pickett, 2001).

Trong các quyết định đầu tư chứng khoán, các nhà đầu tư hoặc các nhà phân tích chứng khoán phải

ước tính tiền thu về từ khoản đầu tư của mình. Tiền thu về bao gồm cổ tức hoặc tiền chênh lệch từ việc bán cổ phiếu; ngoài ra, các nhà đầu tư cũng cần phải quyết định loại cổ phiếu mua vào, bán ra, dự trữ và thời điểm thích hợp để mua vào hay bán chúng ra; hơn nữa, khả năng trả cổ tức của công ty không chỉ thể hiện ở giá trị cổ tức chi trả mà còn phải thể hiện ở khả năng tạo tiền của công ty trong tương lai để đảm bảo trả cổ tức (Frigo và Graziano, 2003; Neill và các cộng sự, 1991).

Theo Foster (1986), việc đầu tư góp vốn hoặc hoạch định ngân sách đầu tư luôn bao gồm dự báo dòng tiền tương lai. Đầu tư vốn bao gồm các dự án đầu tư vào các mặt hàng mới, thay thế tài sản, máy móc thiết bị hiện có, mở rộng dây chuyền sản xuất (Bierman, 1988). Các dự án có thể được đánh giá bằng các phương pháp khác nhau: xác định giá trị hiện tại thuần, tỷ suất hoàn vốn nội bộ (Brigham và Ganenski, 1999). Trong việc đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư, các chuyên gia đánh giá và các nhà quản lý phải ước tính kinh phí đầu tư và dòng tiền thu được hàng năm sau khi dự án đã triển khai trong khoảng thời gian dự kiến (Weaver và Michelson, 2003). Sau đó, nhà quản lý phải đưa ra quyết định chấp nhận hay loại bỏ dự án căn cứ vào kết quả thu được bằng các phương pháp nêu trên. Nếu dùng phương pháp giá trị hiện tại thuần, một dự án sẽ

được chấp nhận nếu giá trị hiện tại của dòng tiền vượt quá kinh phí đầu tư ban đầu (Brigham và Gapenski, 1999).

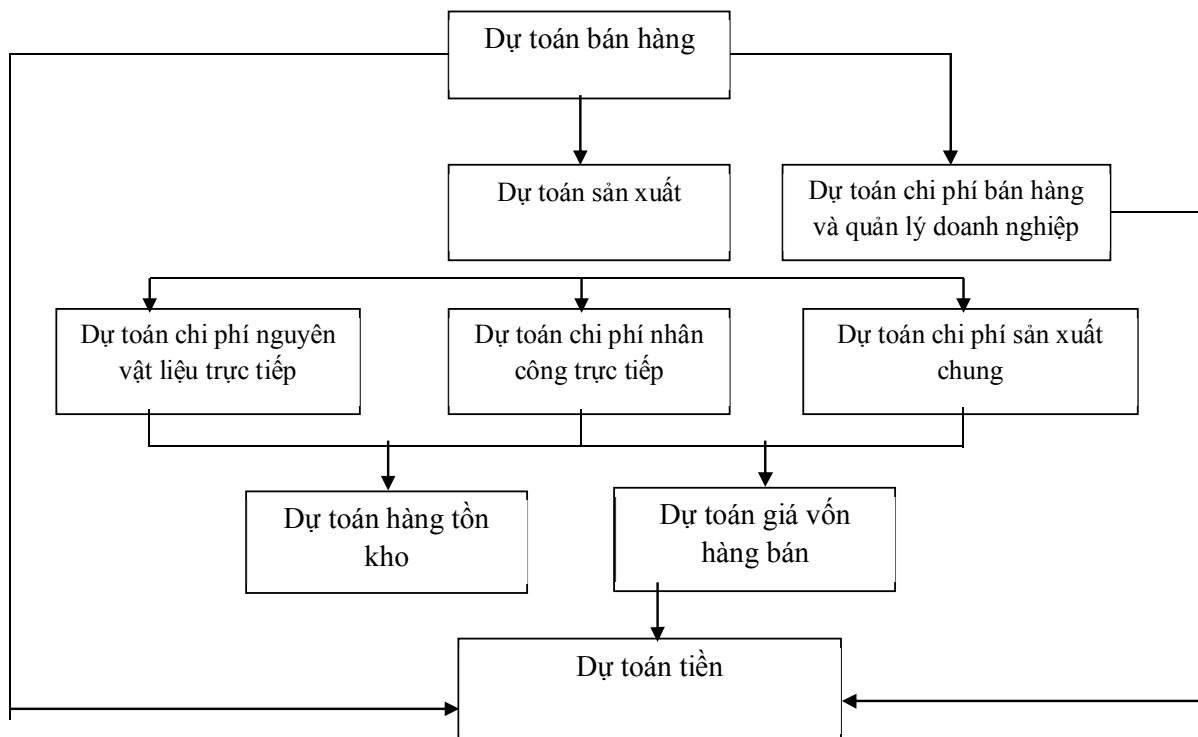
Cuối cùng, kết quả nghiên cứu của Hinkle (2013) chỉ ra rằng dự báo dòng tiền giúp ích trong việc giảm sự sai lệch, “mất cân xứng” của thông tin kế toán theo cơ sở dồn tích. Thật vậy, thông tin kế toán theo cơ sở dồn tích phụ thuộc nhiều vào các giả định chủ quan (ví dụ: thời gian khấu hao, tỷ lệ lập dự phòng,...) nên có thể thiếu chính xác. Trong khi đó, thông tin dòng tiền dựa trên các nghiệp vụ đã thực sự xảy ra nên rất đáng tin cậy. Vì vậy, thông tin về dòng tiền của doanh nghiệp có tác dụng giám sát hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp cũng như cung cấp các thông tin có liên quan tới việc phát hiện các rủi ro xảy ra gian lận trong việc xác định giá trị cổ tức trong tương lai của công ty.

2. Công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

2.1. Lý luận chung về công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp

Trong thực tiễn tại các doanh nghiệp có hai phương pháp cơ bản để dự báo dòng tiền: (1) *phương pháp dự báo trên cơ sở kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp* và (2) *phương pháp dự báo theo tỷ lệ phần trăm doanh thu*.

Hình 1: Dự toán tiền mặt trên cơ sở kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp



(Nguồn: Phạm Thị Thủy và Nguyễn Thị Lan Anh, 2012)

Phương pháp dự báo dòng tiền trên cơ sở kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện thông qua lập dự toán hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; căn cứ từ các định mức chi phí và kế hoạch hoạt động cụ thể, doanh nghiệp lập dự toán từng khoản mục chi phí hoạt động kinh doanh (theo từng yếu tố, từng địa điểm phát sinh), kết hợp với dự toán tiêu thụ để lập dự toán tiền. Các bản dự toán này thường được lập cho một năm và chi tiết thành từng quý, từng tháng nhằm xác định nhu cầu vốn bổ sung chính xác hơn và cụ thể theo từng thời điểm trong năm. Quy trình dự báo tiền mặt trên cơ sở kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp được khái quát ở Hình 1.

Phương pháp dự báo dòng tiền theo phương pháp tỷ lệ phần trăm doanh thu được thực hiện trên cơ sở giả định các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính thay đổi theo một tỷ lệ nhất định so với mức doanh thu của doanh nghiệp. Phương pháp này không xem xét chi tiết từng yếu tố chi phí cũng như các kế hoạch hoạt động cụ thể của doanh nghiệp mà trực tiếp dự báo các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu. Phương pháp này được thực hiện trên cơ sở giả định các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính thay đổi theo một tỷ lệ nhất định so với doanh thu đạt được của doanh nghiệp. Quy trình dự báo tiền mặt theo tỷ lệ phần trăm doanh thu được khái quát ở Hình 2.

Để đảm bảo độ chính xác của những ước tính, khi áp dụng phương pháp dự báo này, các nhà quản lý phải sử dụng số liệu của một số kỳ kinh doanh đã qua để xác định doanh thu thuần dự kiến và xem xét mối quan hệ giữa các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán (BCĐKT), Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQKD) với doanh thu thuần (DTT). Bằng cách dựa vào tỷ lệ % của các khoản mục trong từng kỳ so với doanh thu thuần của các kỳ gốc tương ứng, người lập dự báo sẽ biết được khoản

mục nào thay đổi theo doanh thu thuần và thay đổi ở mức bao nhiêu. Cần chọn các khoản mục có khả năng thay đổi theo một tỷ lệ nhất định so với doanh thu thuần. Dự báo doanh thu

Trên thực tế, không phải mọi khoản mục trên BCĐKT đều thay đổi khi doanh thu thuần thay đổi mà chỉ có một số khoản mục thuộc phần “Tài sản” và “Nguồn vốn”. Các khoản mục phần “Tài sản” bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, thuế giá trị gia tăng (GTGT) được khấu trừ, các khoản phải thu khác, hàng tồn kho. Các khoản mục phần “Nguồn vốn”: phải trả người bán, người mua ứng trước, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, phải trả công nhân viên, các khoản phải trả, phải nộp khác, lợi nhuận chưa phân phối. Các khoản mục còn lại mặc dầu có quan hệ với doanh thu song mối quan hệ không rõ ràng và không trực tiếp nên khi dự báo không cần thiết phải lựa chọn. Sau khi đã lựa chọn khoản mục, cần so sánh trị số của các khoản mục này ở cuối năm với tổng số doanh thu thuần về tiêu thụ trong năm để dự báo các chỉ tiêu này. Tiếp đó cộng giá trị của các khoản mục mới được dự báo với giá trị của các khoản mục không thay đổi (hoặc thay đổi không đáng kể) để dự báo BCĐKT.

Cột 1 “Khoản mục”: Phản ánh các chỉ tiêu trên BCĐKT bao gồm “Tài sản” và “Nguồn vốn”.

Cột 2 “Giá trị hiện tại”: Phản ánh giá trị của các chỉ tiêu trên BCĐKT theo giá trị hiện tại cuối kỳ nghiên cứu.

Cột 3 “Dự kiến % thay đổi so với doanh thu”: Phản ánh tỷ lệ của từng khoản mục có khả năng biến đổi so với DTT.

Cột 4 “Giá trị dự báo”: Phản ánh giá trị của các chỉ tiêu trên BCĐKT trên cơ sở thay đổi so với doanh thu. Cột này được xác định bằng cách lấy giá trị của mức DTT dự kiến nhân (x) với số liệu tương

Hình 2: Phương pháp dự báo tiền mặt của doanh nghiệp theo tỷ lệ phần trăm doanh thu



(Nguồn: Phạm Thị Thủy và Nguyễn Thị Lan Anh, 2012)

Bảng 1: Dự báo giá trị của một số khoản mục trên BCDKT

Khoản mục	Giá trị hiện tại	Dự kiến % thay đổi so với DTT	Giá trị dự báo	Mức tăng (+) hoặc giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) * DTT <i>thuần dự kiến</i>	(5) = (4) - (2)
TÀI SẢN				
A. Tài sản ngắn hạn				
I. Tiền và tương đương tiền				
II. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn				
B. Tài sản dài hạn				
I. Các khoản phải thu dài hạn				
II. Tài sản cố định				
CỘNG				
NGUỒN VỐN				
A. Nợ phải trả				
I. Nợ ngắn hạn				
II. Nợ dài hạn				
B. Vốn chủ sở hữu				
I. Vốn chủ sở hữu				
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
CỘNG				

(Nguồn: Nguyễn Văn Công, 2005)

ứng theo từng chỉ tiêu ở cột 3 “*Dự kiến % thay đổi so với DTT*”. Đối với khoản mục không có khả năng dự báo theo doanh thu thuần, giá trị ghi vào cột 4 chính là giá trị ở cột 2 “*Giá trị hiện tại*” chuyển sang.

Cột 5 “*Mức tăng (+) hoặc giảm (-)*”: Phản ánh tình hình biến động về giá trị của các chỉ tiêu dự báo so với giá trị hiện tại. Số liệu dòng cộng tương ứng của cột 5 theo tài sản và theo nguồn vốn sẽ phản ánh tổng số tài sản và tổng số nguồn vốn tăng thêm (hoặc giảm bớt) khi DTT thay đổi. Từ đây, tính toán ra giá trị nguồn vốn phải sử dụng thêm (Tổng giá trị tài sản dự báo = Tổng giá trị nguồn vốn dự báo + Giá trị nguồn vốn phải sử dụng thêm). Khi tính ra nhu cầu vốn bổ sung quá lớn và doanh nghiệp không muốn hoặc không thể huy động được nhiều vốn bổ sung, doanh nghiệp thường điều chỉnh các chỉ tiêu dự báo bằng cách thay đổi các chính sách quản lý, sử dụng vốn như: đẩy nhanh tốc độ thu hồi nợ (tỷ lệ nợ phải thu trên doanh thu giảm), rút ngắn thời gian lưu kho hàng hóa (tỷ lệ hàng tồn kho trên doanh thu giảm), kéo dài thời gian nợ người bán (tỷ lệ phải trả người bán trên doanh thu tăng). Kết quả khi đó có thể ảnh hưởng tới doanh thu nên cần phải điều chỉnh tỷ lệ tăng trưởng doanh thu của doanh nghiệp hoặc điều chỉnh mức doanh thu thuần dự kiến. Kết quả sẽ có BCDKT điều chỉnh, BCKQKD điều chỉnh và sau cùng là Báo cáo lưu chuyển tiền tệ điều chỉnh.

2.2. Thực trạng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

Ở Việt Nam, công tác dự báo đã được triển khai từ những năm đầu thập niên 1970 nhưng khi đó công tác dự báo dòng tiền có xu hướng áp dụng trong kinh tế vĩ mô, phân tích chính sách kinh tế của Chính phủ và dự báo phát triển kinh tế trong một thời gian dài. Dự báo được coi là công cụ phục vụ đắc lực cho công tác xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch.

Thực trạng công tác dự báo dòng tiền hiện nay đã thu hút được sự quan tâm của các chuyên gia kinh tế trong nước. Các chuyên gia đã có những nhận định về thực trạng công tác dự báo trên nhiều khía cạnh khác nhau. Nguyễn Mạnh Hùng - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (*trích dẫn qua Nhất Anh 2014*) khẳng định Việt Nam hiện đã hội nhập sâu vào thế giới và chịu những tác động không nhỏ từ bên ngoài, trong đó thường xuyên là biến động giá cả của những hàng hóa đầu vào chiến lược được nhập khẩu như xăng dầu, phân bón, hóa chất... và một số mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là nông sản. Bởi vậy, công tác nghiên cứu, phân tích và dự báo tài chính và thị trường tại các công ty cần được chú trọng. Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đang thiếu và đang yếu trong công tác dự báo nên đã không tận dụng được các cơ hội trao đổi hàng hóa với bạn bè quốc tế.

Đồng tình với quan điểm trên, Nguyễn Trọng

Hoài (2009) cũng bày tỏ ngày nay sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam đặt trong bối cảnh đầy biến động của nền kinh tế thế giới đã thúc đẩy các nhà quản trị ở tất cả các doanh nghiệp phải quan tâm nhiều hơn đến việc dự báo tài chính trong doanh nghiệp. Còn theo ông Giám đốc Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Lê Đình Ân (2009) cho biết tại phiên họp đánh giá nguyên nhân các mặt nổi cộm của tình hình kinh tế - xã hội năm 2008 của Chính phủ, nhiều ý kiến cho rằng, do công tác thông tin và dự báo kinh tế còn nhiều yếu kém, không kịp thời và thiếu độ tin cậy, nên chưa đủ để giúp Chính phủ đưa ra những quyết sách hợp lý và ngăn ngừa những tác động xấu của tình hình. Vì vậy, ông kêu gọi Nhà nước và các doanh nghiệp phải tăng cường năng lực cán bộ dự báo và nâng cao chất lượng cho công tác thông tin, dự báo và cảnh báo kinh tế một cách kịp thời, để có độ tin cậy cao, phục vụ cho hoạt động điều hành tại doanh nghiệp, đưa đất nước phát triển, đây là đòi hỏi rất xác đáng. Đã đến lúc cần phải coi thông tin kinh tế là nguồn lực phát triển quan trọng và dự báo, cảnh báo kinh tế là một công cụ không thể thiếu được trong quản trị tài chính doanh nghiệp và điều hành nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

Thêm vào đó, Lê Đình Ân (*trích dẫn trong Phạm Tuyên, 2008*) cũng nhận định: thời gian vừa qua, công tác dự báo về các mặt kinh tế, xã hội và cả dự báo của các ngành đặc thù cho kết quả không tốt, thậm chí là dự báo sai, dẫn đến những ảnh hưởng đối với nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp. Hiện, công tác dự báo ở Việt Nam còn những tồn tại, yếu kém như: thiếu người có kinh nghiệm dự báo, thiếu các phương tiện dự báo, mô hình dự báo cũng chưa tiếp cận được với thế giới. Cùng với đó chính sách cũng luôn thay đổi nên khiến cho kết quả dự báo bị hạn chế. Ở Việt Nam, các nhà dự báo ít khi phải chịu trách nhiệm về dự báo của mình, hiện công tác dự báo chủ yếu là do các cơ quan thuộc Chính phủ, các bộ, các ngành thực hiện. Tuy cũng có các viện độc lập làm dự báo, thậm chí cả những cá nhân cũng đưa ra các dự báo nhưng kết quả cuối cùng của các dự báo thì không có ai chịu trách nhiệm.

Theo Lê Đình Ân (2009) hiện nay, ở Việt Nam, các doanh nghiệp cung cấp dự báo sai do 2 nguyên nhân: (1) do chính sách của Nhà Nước luôn thay đổi và (2) do hạn chế về số liệu. Lê Đình Ân cũng nhấn mạnh: dự báo không thể chính xác được nếu không có hệ thống dữ liệu hàng chục năm theo dõi (dữ liệu

mảng) và không có định hướng rõ ràng về mục tiêu công tác dự báo. Ở Việt Nam, hệ thống dữ liệu mảng còn thiếu hoặc nếu có cũng chưa được xử lý, chưa đảm bảo độ tin cậy. Kết quả dự báo đã thực hiện từ trước tới nay tại Việt Nam chủ yếu là dựa sự giúp đỡ của các nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các cá nhân khoa học quốc tế.

Trên thực tế, các tác giả Vũ Duy Hào và Đỗ Thị Hồng Nhung (2013) qua khảo sát tại các doanh nghiệp chế biến thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay (bao gồm 54 doanh nghiệp, vốn hóa thị trường khoảng 23.000 tỷ đồng) đã nhận định: các nhà quản trị tài chính của các doanh nghiệp này đã quan tâm tới việc dự báo dòng tiền. Tuy nhiên, việc dự báo dòng tiền thực tế hiện nay chỉ thể hiện thông qua bảng dự toán tiền mặt hàng năm. Bảng dự toán này được lập dựa trên cơ sở lý thuyết chung chứ chưa tính đến đặc điểm riêng của doanh nghiệp, hầu như là các dự đoán chủ quan, theo kinh nghiệm. Cơ sở số liệu lập dự toán là các thông tin trên các báo cáo tài chính của công ty mà chưa tính đến các thông tin khác bên ngoài như các dữ liệu giao dịch chứng khoán trên thị trường, chính sách quản lý Nhà nước,... Vì vậy, các tác giả cho rằng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp chế biến thực phẩm niêm yết hiện nay chưa đầy đủ và chưa thực sự đánh giá đúng mức những nhân tố ảnh hưởng tới dòng tiền của doanh nghiệp.

Bên cạnh ý kiến của các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực dự báo, thông qua việc nghiên cứu các chính sách, quy định của cơ quan Nhà nước đối với công tác dự báo tài chính doanh nghiệp nói chung và dự báo dòng tiền trong doanh nghiệp nói riêng hiện hành cho thấy công tác dự báo hiện nay còn thiếu cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện. Mặc dù tại văn bản của Bộ Tài chính (2003) về việc ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21(VAS 21) “Trình bày báo cáo tài chính” nêu rõ: “Báo cáo tài chính giúp người sử dụng dự đoán được các luồng tiền trong tương lai và đặc biệt là thời điểm và mức độ chắc chắn của việc tạo ra các luồng tiền và các khoản tương đương tiền” nhưng trong chuẩn mực đó và các thông tư hướng dẫn chuẩn mực, Bộ Tài chính đã không giới thiệu phương pháp lập dự báo dòng tiền cụ thể. Đồng thời, Bộ Tài Chính (2012) cũng chưa đưa ra quy định bắt buộc cho các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán phải công khai bảng dự báo dòng tiền như là một thông tin bắt buộc trên hệ thống báo cáo tài chính. Chính vì vậy, công tác dự báo dòng tiền chỉ diễn ra tự phát, trong phạm vi nội

bộ doanh nghiệp và không chịu sự giám sát của các cơ quan quản lý Nhà nước.

2.3. Đánh giá công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

Thứ nhất, trong công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam, nhiều yếu tố tác động đến dòng tiền còn chưa được xem xét hay chú trọng như yếu tố môi trường kinh doanh, chính sách của nhà nước, tuổi đời doanh nghiệp,... Các yếu tố bị bỏ qua hoặc chưa được chú trọng này rất có thể đóng góp vào công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam có chất lượng tốt hơn.

Thứ hai, dự báo dòng tiền thực tế tại các doanh nghiệp ở Việt Nam đang thực hiện theo quy trình nhiều bước từ các dự toán bán hàng, dự toán sản xuất, dự toán giá vốn hàng bán, dự toán chi phí bán hàng để lập dự toán tiền mặt. Tuy nhiên, trong các bước dự toán này chưa có sự so sánh các chỉ tiêu cũng như chưa xác lập các giả định, xác định các yếu tố chính yếu tác động đến dự toán của từng bước trong toàn bộ quy trình.

Thứ ba, chất lượng của các dự báo dòng tiền được quyết định bởi các phương pháp, kỹ thuật để dự báo. Dự báo dòng tiền đang thực hiện ở các doanh nghiệp Việt Nam là phương pháp kết hợp định tính và định lượng đơn giản và thường chỉ thực hiện dự báo cho một năm tới. Việc trang bị thêm các phương pháp định lượng khoa học cũng như hệ thống phần mềm máy tính phù hợp chắc chắn sẽ mang lại kết quả dự báo tốt hơn và thời gian dự báo dòng tiền dài hơn cho doanh nghiệp.

Thứ tư, chất lượng thông tin kế toán trong các báo cáo tài chính làm cơ sở cho công tác dự báo dòng tiền của chính các doanh nghiệp chưa được đảm bảo. Nguyên nhân của vấn đề này bao gồm cả yếu tố chủ quan từ phía doanh nghiệp khi sử dụng các “thủ thuật” làm sai lệch thông tin tài chính và cũng bao gồm cả yếu tố khách quan khi chưa có những chế tài, qui định chặt chẽ,... của các cơ quan nhà nước ban hành chính sách.

Thứ năm, nhận thức tầm quan trọng của công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam từ các nhà quản trị chưa được cao. Bên cạnh đó, năng lực dự báo của các chuyên viên phụ trách công tác phân tích, dự báo dòng tiền tại doanh nghiệp còn nhiều bất cập.

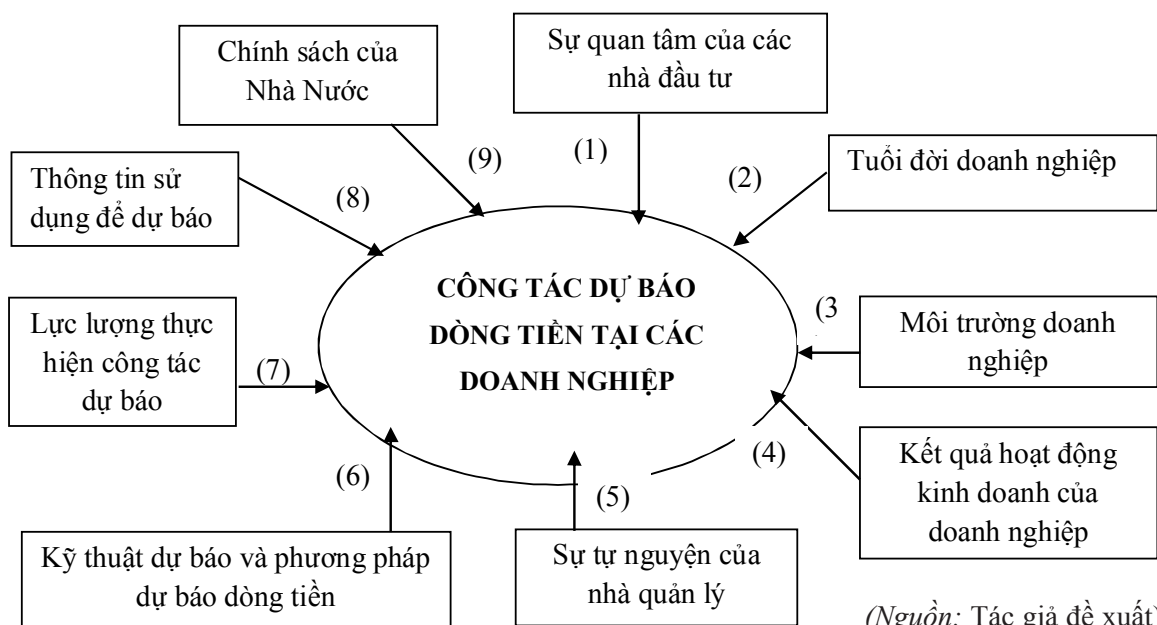
3. Giải pháp nhằm tăng cường chất lượng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

3.1. Hoàn thiện mô hình phân tích các yếu tố tác động đến công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

Trên cơ sở phân tích từ các nghiên cứu đã được thực hiện bởi các nhà khoa học đến từ nhiều nước trên thế giới như Wasley và Wu (2006), Ahmed và Ali (2013) hay Pae và Yoon (2012), cũng như trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng công tác dự báo dòng tiền trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, bài viết đã tổng hợp và đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng tới công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam như tại hình 3.

3.2. Hoàn thiện phương pháp lập dự toán dòng

Hình 3: Các yếu tố ảnh hưởng tới công tác dự báo dòng tiền trong các doanh nghiệp ở Việt Nam



tiền trong các doanh nghiệp tại Việt Nam

Dự báo dòng tiền đang thực hiện theo quy trình nhiều bước: từ các dự toán bán hàng, dự toán sản xuất, dự toán giá vốn hàng bán, dự toán chi phí bán hàng để lập dự toán tiền mặt. Dự toán tiền mặt cần được củng cố bằng các dữ liệu đáng tin cậy và có nguồn gốc, có căn cứ khoa học, rõ ràng. Cụ thể: Bước đầu tiên để tiến hành lập dự toán là phải so sánh các chỉ tiêu và xác lập giả định; trong bước này, người xây dựng dự toán cần phải *so sánh các doanh nghiệp tương đồng hoặc tra cứu để có được các thông số đặc trưng ngành cùng với các giả định để đưa các thông số này vào quá trình tính toán*. Bước tiếp theo của người lập dự toán là tiến hành dự báo doanh thu; trong bước này, nhà lập dự toán sẽ phải *xác định, đánh giá và ước lượng những yếu tố chủ chốt tác động đến doanh thu của doanh nghiệp như: số lượng khách hàng, số lượng giao dịch, số lượng hàng bán, giá áp dụng với mỗi khách hàng, mỗi giao dịch, mỗi đơn vị sản phẩm, doanh thu bình quân mỗi khách hàng/mỗi giao dịch, chiết khấu cho các kênh phân phối, mức độ thâm nhập thị trường, mức độ phản hồi từ thị trường, tỉ lệ khách hàng ra đi, sản phẩm/dịch vụ mới, thời điểm tung ra*

sản phẩm/dịch vụ, tỉ lệ tăng trưởng trong năm,...

3.3. Xây dựng mô hình dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam bằng phương pháp định lượng khoa học

Theo kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu trên thế giới, dự báo dòng tiền nên dựa trên mô hình kinh tế lượng với dữ liệu nghiên cứu trong khoảng thời gian dài, với việc sử dụng nhiều thông tin tài chính trong quá khứ của doanh nghiệp đa dạng nhưng vẫn phải đảm bảo tính khách quan. Điều này khiến cho kết quả dự báo mang tính khách quan, đáng tin cậy, khắc phục được dự báo mang tính chủ quan ở các bảng dự toán thường gặp ở các doanh nghiệp; để làm được điều này, các nhân viên phụ trách dự báo tại các doanh nghiệp cần được trang bị phương pháp dự báo khoa học. Bài viết đề xuất mô hình tổng quát có thể áp dụng trong dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam như tại Hình 4.

3.4. Cần ban hành các chính sách kế toán cụ thể để nâng cao chất lượng của thông tin trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ở Việt Nam

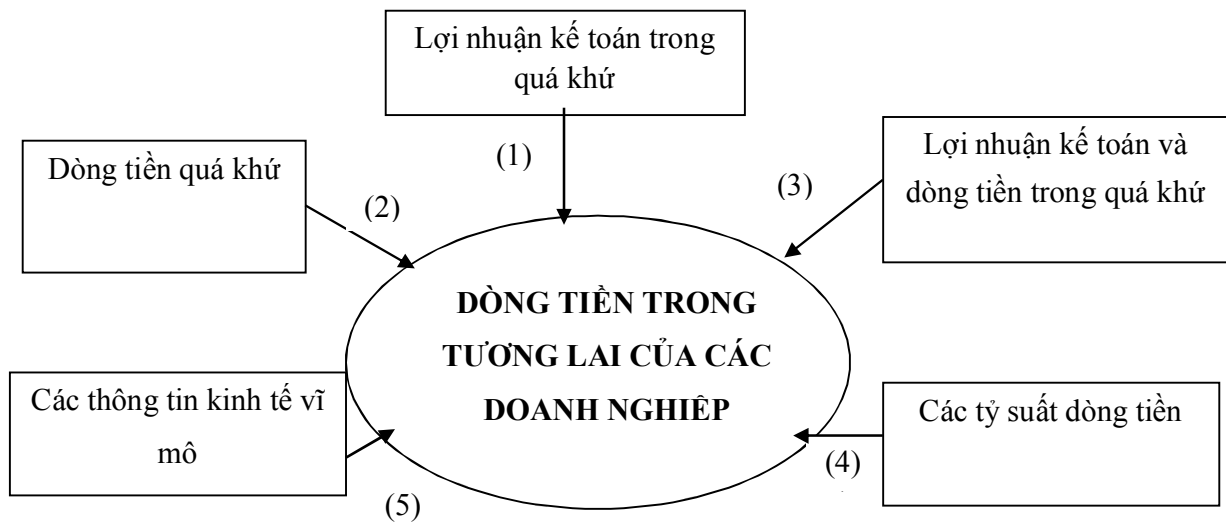
Thông tin trên báo cáo tài chính là dữ liệu đầu vào cho quá trình dự báo tương lai. Để có kết quả dự

Bảng 2: So sánh các chỉ tiêu và xác lập giả định trong lập dự toán tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam

Chỉ tiêu	Công ty 1	Công ty 2	Công ty 3	Tỷ lệ hợp lý nhất (chọn)
Các tỷ suất tài chính				
Các khoản phải thu so với doanh thu (%)				
Hàng tồn kho so với doanh thu (%)				
Các khoản phải trả so với doanh thu (%)				
Vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh so với doanh thu (%)				
Giá trị còn lại của tài sản cố định so với doanh thu (%)				
Tỷ suất thanh toán hiện hành (%)				
Tỷ suất nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)				
Các tỷ suất về khả năng sinh lời				
Lãi gộp so với doanh thu (%)				
Chi phí bán hàng với doanh thu (%)				
Chi phí nghiên cứu phát triển so với doanh thu (%)				
Chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu (%)				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh với doanh thu (%)				
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và lãi vay so với doanh thu				
Chi phí khấu hao so với doanh thu (%)				
Lợi nhuận trước thuế và lãi vay + chi phí khấu hao so với doanh thu (%)				
Lợi nhuận thuần so với doanh thu (%)				
Các tỷ suất liên quan đến cổ tức (%)				
Tỷ lệ cổ tức so với tổng tài sản (%)				
Tỷ lệ cổ tức so với tổng (Nợ + Vốn chủ sở hữu) (%)				
Tỷ lệ cổ tức so với vốn chủ sở hữu (%)				

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

Hình 4: Mô hình dự báo dòng tiền của các doanh nghiệp tại Việt Nam bằng định lượng



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

báo tốt, cơ sở đầu vào của dự báo phải có chất lượng tốt. Do vậy, cần tăng cường các biện pháp để các báo cáo tài chính cung cấp thông tin trung thực về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Để làm sai lệch bản chất thông tin trên báo cáo tài chính trong những tình huống đặc biệt, các nhân viên kế toán đã lợi dụng sự lỏng lẻo, thông thoáng trong các quy định của chuẩn mực kế toán và nguyên tắc kế toán để giúp các doanh nghiệp che đi các điểm yếu, các thông tin kế toán gây bất lợi cho doanh nghiệp. Do vậy, để công tác dự báo đạt được kết quả tốt, chất lượng của dữ liệu đầu vào phục vụ dự báo phải được kiểm soát chặt chẽ, các cơ quan ban hành chế độ chính sách kế toán doanh nghiệp cần tiếp tục nghiên cứu để ban hành các quy định kế toán chặt chẽ hơn, để sử dụng hơn cho các doanh nghiệp.

3.5. Nâng cao nhận thức cho nhà quản trị về tầm quan trọng của dự báo dòng tiền và bồi dưỡng chuyên môn cho những người phụ trách công tác dự báo dòng tiền tại doanh nghiệp

Để có kết quả dự báo tốt, doanh nghiệp cần tạo dựng một môi trường tích cực trong đó sự ủng hộ và tin cậy của ban quản trị cấp cao là hết sức cần thiết; các nhà quản trị cấp cao cần hiểu rõ về tầm quan trọng của dự báo bởi điều này là yếu tố thuận lợi để đưa dự báo ngày càng gần hơn với hoạt động của doanh nghiệp. Các nhà quản trị cấp cao phải thực sự tin tưởng vào kết quả dự báo, phải thực hiện việc giám sát, theo dõi kết quả dự báo, phải xây dựng chế độ khen thưởng cho bộ phận tham gia vào quá trình dự báo khi kết quả dự báo tốt. Ngoài ra, trong công

tác tổ chức quản lý, các bộ phận tham gia dự báo cần phải có sự kết nối, sự tương tác, phối hợp, cộng tác thực sự trong công việc; bên cạnh đó, nhà quản trị cần phải trang bị các phần mềm hỗ trợ dự báo tốt, tuyển dụng và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho các chuyên viên phân tích dự báo có trình độ, có trách nhiệm và tích cực. Làm tốt được các vấn đề trên sẽ khiến năng lực dự báo dòng tiền của doanh nghiệp được cải thiện và do vậy, kết quả dự báo dòng tiền trở nên hữu ích hơn cho việc ra quyết định của doanh nghiệp.

4. Kết luận

Như đã đề cập ở trên, công tác dự báo dòng tiền trong các doanh nghiệp ở Việt Nam ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh các doanh nghiệp đang đứng trước sự cạnh tranh gay gắt, phải đối diện với nhiều diễn biến khó lường của nền kinh tế thế giới. Trên cơ sở nhận biết sự cần thiết và vai trò quan trọng của công tác dự báo dòng tiền trong các doanh nghiệp, bài viết đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam và từ đó đề xuất năm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo dòng tiền tại các doanh nghiệp ở Việt Nam. Các giải pháp này sẽ là các gợi ý quan trọng giúp cho các nhà nghiên cứu, các nhà đầu tư, người cho vay và các nhà quản trị doanh nghiệp tham khảo và áp dụng giúp cho công tác dự báo dòng tiền trong các doanh nghiệp ở Việt Nam thêm phong phú và tăng cường chất lượng của dự báo dòng tiền. □

Tài liệu tham khảo

- Ali, A. (1994), "The incremental information content of earnings, working capital from operations, and cash flows", *Journal of Accounting Research*, Vol. 32, pp. 61-74.
- Ahmed, K. và Ali, M. J. (2013), "Determinants and usefulness of analysts' cash flow forecasts: evidence from Australia", *International Journal of Accounting and Information Management*, 21(1), 4-21.
- Block, B. (1999), "A study of financial analysts: Practice and theory", *Financial Analysts Journal*, Vol. 55, pp. 86-95.
- Bernstein, L.A. (1993), "Financial Statement Analysis: Theory, Application, and Interpretation", 5th edn, Richard D. Irwin, Inc., USA.
- Bierman, H. (1988), 'Extending the usefulness of accrual accounting', *Accounting Horizons*, vol. 2, no. 3, pp. 10-4.
- Bộ Tài Chính (2003), Quyết định số 234/2003/QĐ – BTC, về việc ban hành Chuẩn mực kế toán số 21 (VAS 21) "Trình bày báo cáo tài chính", ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2003.
- Bộ Tài Chính (2012), Thông tư số 52/2012/TT-BTC, hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành ngày 05 tháng 4 năm 2012.
- Brigham, E.F. và Gapenski, L.C. (1999), "Financial Management: Theory and Practice", 9th edn, The Dryden Press, Fort Worth, TX.
- Epstein, M.J. và Pava, M.L. (1992), "How useful is the statement of cash flows?" *Management Accounting*, vol. 74, No. 1, pp. 52-5.
- Foster, G. (1986), *Financial Statement Analysis*, Prentice-Hall, New Jersey.
- Frigo, M.L. và Graziano, R. (2003), "Strategic decisions and cash flow", *Strategic Finance*, vol. 85, no. 1, pp. 8-11.
- Giacomino, D.E. và Mielke, D.E. (1987), "Preparation and use of cash flow statements", *The CPA Journal*, vol. 57, no. 3, pp. 30-5.
- Hinkle, T. (2013), "The effect of cash flow forecasts on cost of debt", A Dissertation for the degree of Doctor of Philosophy with a major in Accounting, The University of Arizona.
- Lê Đình Ân (2009), "Công tác thông tin dự báo và cảnh báo kinh tế trong tình hình mới", *baomoi.com*, truy cập ngày 2 tháng 11 năm 2009, từ <<http://www.baomoi.com/Cong-tac-thong-tin-du-bao-va-can-hao-kinh-te-trong-tinh-hinh-moi/45/3431449.epi>>
- Neill, J.D., Schaefer, T.F., Bahnson, P.R. và Bradbury, M.E. (1991), "The usefulness of cash flow data: A review and synthesis", *Journal of Accounting Literature*, vol. 10, pp. 117-50.
- Nguyễn Văn Công (2005), *Chuyên khảo về Báo cáo tài chính và lập, đọc, kiểm tra, phân tích Báo cáo tài chính*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.
- Nguyễn Trọng Hoài (2009), *Dự báo và Phân tích dữ liệu trong kinh tế và tài chính*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Phạm Thị Thùy và Nguyễn Thị Lan Anh (2012), *Báo cáo tài chính - Phân tích, dự báo và định giá*, Nhà Xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- Phạm Tuyên (2008), "Công tác dự báo kinh tế có những tồn tại yếu kém", truy cập ngày 14 tháng 12 năm 2008 từ <http://www.tienphong.vn/Kinh-Te/cong-tac-du-bao-kinh-te-co-nhung-ton-tai-yeu-kem-146606.tpo>
- Nhất Anh (2014), "Diễn biến mới nhất của kinh tế TG và dự báo tác động đến VN trong năm 2014", truy cập ngày 13/5/2014 từ http://thanhtrievietnam.vn/dien-bien-moi-nhat-cua-kinh-te-tg-va-du-bao-tac-dong-den-vn-trong-nam-2014_t114c11n33235
- Pae, J. và Yoon, S.S. (2012), "Determinants of analysts' cash flow forecast accuracy", *Journal of Accounting, Auditing & Finance*, 27, 123-144.
- Rayburn, J. (1986), "The association of operating cash flow and accruals with security returns" *Journal of Accounting Research*, Vol 24, pp. 112-133.

- Vũ Duy Hào và Đỗ Thị Hồng Nhung (2013), “Luận bàn về quản trị dòng tiền của các doanh nghiệp chế biến thực phẩm niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam”, Tạp chí Kinh tế phát triển, số 192, tháng 6 năm 2013, trang 24 - 31.
- Wasley, C. và Wu, J. S. (2006), “Why do managers voluntarily issue cash flow forecasts?”, Journal of Accounting Research, Vol.44, No.2, pp 387-429.
- Wilson, G.(1986), “The relative information content of accruals and cash flows: Combined evidence at the Earnings Announcement and Annual Report”, Journal of Accounting Research, Vol. 24, pp 165-200.
- Weaver, W. & Michelson, S. (2003), “A practical tool to assist in analyzing risk associated with income capitalization approach valuation or investment analysis”, The Appraisal Journal, Vol. 71, no. 4, pp. 335-44.
- Zwaig, M.C. và Pickett, M.M. (2001), “Early warning signs of a bankruptcy”, Business Credit, Vol. 103, No. 1, pp. 65.

Forecasting cash flow of enterprises in Vietnam: The current situation and solutions

Abstract:

Forecasting cash flow of enterprises has played an important role in helping the users of accounting information such as the owners, creditors, investors make rational business decisions. Therefore, this paper analyses cash flow forecasting process in Vietnamese enterprises. Based on that, the paper offers feasible solutions to improving the quality of cash flow forecasting. The proposed solutions include: (1) improving the analytical model of the factors affecting cash flow forecasting, (2) improving method of estimating cash flows, (3) developing cash flow forecast model using quantitative method, (4) improving the quality of accounting information in the financial statements; (5) raising awareness for managers and enhancing the knowledge for people who are responsible for forecasting cash flow in the business.

Thông tin tác giả:

* **Nguyễn Hữu Ánh**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán (Kế toán, Kiểm toán và Phân tích)

- Một số tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Tạp chí Ngân hàng.

- Thông tin liên lạc: email: anhnh@neu.edu.vn

** **Nguyễn Thanh Hiếu**, Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Kế toán - Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kế toán (Kế toán, Kiểm toán và Phân tích)

- Một số tạp chí tiêu biểu đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Tạp chí Nghiên cứu Khoa học Kiểm toán, Tạp chí Ngân hàng.

- Thông tin liên lạc: email: hieu39ktqd@gmail.com